

TIẾNG VIỆT - TUẦN 26

I. LUYỆN ĐỌC DIỄN CẢM

KIỆN VÀ CHIM BỒ CÂU

Chú Kiến nọ ra sông chảy xiết
Uống thật nhiều cho hết khát khô.
Nào ngờ sóng cuốn khỏi bờ
Ngoi lên chìm xuống chỉ chờ cá xơi.

Bồ Câu đậu ngay nơi cành lá
Liên ngắt một chiếc lá thả rơi.
Theo dòng lá lướt tới nơi
Kiến leo lên, an toàn trôi vào bờ.

Sau đó thì bất ngờ xuất hiện
Người bầy chim cạnh kiến đang bò.
Bác cầm cục đá vôi to
Giơ lên nhằm ném vào bồ câu kia.

Kiến hiểu rõ chuyện gì chờ đón
Nên cắn ngay vào ngón chân người.
Giật mình, bác ta đánh rơi
Đá tòm xuống nước, chim thời bay đi.

Làm điều tốt sẽ thường khi
Nhận về việc tốt, nhớ ghi điều này.

(Nguồn: 200 truyện ngụ ngôn Ê-dốp

Ngọc Châu dịch)

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN (Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu):

1. Kiến đã gặp phải điều không may gì?

- A. Kiến ra sông uống nước và bị sóng cuốn khỏi bờ.
- B. Kiến ra sông uống nước và bị quên đường về.
- C. Kiến ra sông uống nước và bị đàn cá đuổi bắt.

2. Bồ Câu đã cứu giúp Kiến bằng cách nào?

- A. sà xuống quắp Kiến lên
- B. thả chiếc lá xuống cho Kiến leo lên
- C. gọi người đến cứu Kiến

3. Kiến đã giúp bồ câu thoát nạn bằng cách nào?

- A. bò đi chỗ khác đánh lạc hướng người bầy chim
- B. gọi các bạn khác đến giúp Bồ Câu
- C. cắn bất ngờ vào chân người bầy chim cho hòn đá rơi xuống nước

4. Bài thơ muốn nói với em điều gì?

.....

.....

5. Kể về việc em đã giúp đỡ người khác hoặc người khác giúp đỡ em.

.....

.....

III. LUYỆN TẬP

6. a) Chọn *rang/giang/dang* điền vào chỗ chấm để tạo từ:

- còm;sơn;cánh; giỏi;lạc; cây

b) Chọn *rao/dao/giao* điền vào chỗ chấm để tạo từ:

- con; tiếng; bạn tâm; cầu; bàn;bán

7. Nối ý ở cột A với ý ở cột B để tạo câu:

A
Mai khoanh tay và cúi đầu chào
Nam vẫy tay, miệng mỉm cười
Việt lịch sự bắt tay

B
khi tạm biệt chị gái.
khi nhìn thấy cô giáo.
khi gặp người bạn quốc tế tới thăm trường.

8. Chọn từ đúng với nghĩa:

(lịch sự, cởi mở, lễ phép)

a. cách giao tiếp chân thành và hồn nhiên là

b. có lời nói, hành động đẹp trong giao tiếp là

c. thái độ cư xử kính trọng với người lớn tuổi hơn là

9. Đặt câu với mỗi từ ngữ ở bài tập 8 (đặt trong hoàn cảnh giao tiếp):

.....

.....

.....

.....